

**KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ GIẢM CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2020**  
(Niên độ Ngân sách năm 2019)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	I=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7
<b>Tổng hợp kiến nghị giảm chi thường xuyên NSNN</b>		<b>9.315.996.147.246</b>	<b>108.329.838.034</b>	<b>43.645.000.000</b>	<b>5.119.749.341.525</b>	<b>2.672.356.182.124</b>	<b>23.040.455.309</b>	<b>1.348.875.330.254</b>
<b>1. Ngân sách Trung ương (Bộ, Ngành)</b>		<b>1.495.133.713.574</b>	<b>28.195.386.682</b>	<b>0</b>	<b>1.298.793.304.100</b>	<b>90.723.696.836</b>	<b>19.937.494.135</b>	<b>57.483.831.821</b>
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Ủy ban Dân tộc	39.040.649					39.040.649	
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	725.084.502	537.677.000			69.370.000		118.037.502
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Y tế	102.948.039.843	1.266.165.345		54.216.987.282	40.020.838.971		7.444.048.245
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	12.709.977.951	251.401.951			12.458.576.000		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	52.111.634.926	21.515.374.369		730.200.557	29.474.740.000		391.320.000
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 các trường Đại học: Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bách khoa Hà Nội, Ngoại Thương, Cần Thơ	6.976.503.437	711.271.080			6.100.855.159		164.377.198
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tổng cục Hải quan	1.215.540.627	732.355.987		156.986.640	326.198.000		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Tòa án nhân dân tối cao	3.742.077.285	78.980.000		2.296.211.746	243.805.000	147.690.280	975.390.259
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Xây dựng	17.260.261.845	43.255.943		17.190.343.128	26.662.774		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	4.941.361.580	490.761.464			1.455.007.858		2.995.592.258

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tổng cục Thuế	16.868.187.246						16.868.187.246
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải	1.258.246.420.297	1.535.752.813		1.222.510.660.592	349.658.074	19.750.763.206	14.099.585.612
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17.349.583.386	1.032.390.730		1.691.914.155	197.985.000		14.427.293.501
<b>2. Ngân sách địa phương (Tỉnh)</b>		<b>7.360.600.609.954</b>	<b>45.671.029.157</b>	<b>43.645.000.000</b>	<b>3.621.389.868.321</b>	<b>2.383.253.961.812</b>	<b>0</b>	<b>1.266.640.750.664</b>
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Thanh Hóa	323.349.344.464			182.479.948.459	8.774.396.005		132.095.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hải Dương	126.910.002.035	41.513.000		6.286.330.397	35.476.340.874		85.105.817.764
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Ninh	59.419.546.148	108.977.866		52.910.413.763	6.239.110.519		161.044.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Ninh Bình	124.488.818.000			85.554.019.000	421.799.000		38.513.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Hải Phòng	26.557.235.468	125.310.000		11.586.774.471	14.825.317.997		19.833.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lai Châu	215.651.744.176			74.120.827.143	141.530.917.033		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lào Cai	81.474.293.330	20.150.000		70.428.585.235	11.025.558.095		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Phú Thọ	123.355.518.276	3.505.727.350		67.016.097.362	52.833.693.564		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Yên Bái	24.869.796.582	33.418.704		16.766.176.605	8.070.201.273		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lâm Đồng	63.238.684.279	82.769.604		56.256.470.598	521.081.468		6.378.362.609
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Cần Thơ	47.113.575.029	878.205.643	30.000.000.000	12.097.184.269	3.388.833.938		749.351.179
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Thái Nguyên	83.475.331.312	29.854.000	13.645.000.000	56.236.011.992	13.441.411.437		123.053.883
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lạng Sơn	48.680.475.578	286.852.540		35.058.733.277	13.334.889.761		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Cao Bằng	28.661.736.294	38.045.000		24.921.252.461	3.486.102.855		216.335.978

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hà Giang	7.859.794.093	29.946.054		725.074.025	7.059.477.567		45.296.447
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Kiên Giang	375.065.655.481	745.830.503		221.668.436.507	1.922.819.663		150.728.568.808
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Ninh Thuận	45.965.437.839	93.420.197		37.940.361.295	3.338.914.848		4.592.741.499
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Trà Vinh	203.798.780.755	352.005.000		108.970.017.396	53.770.502.021		40.706.256.338
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Phú Yên	240.557.044.783			141.324.319.074	52.540.112.350		46.692.613.359
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Sóc Trăng	87.998.074.759	322.914.935		17.826.616.523	1.851.548.000		67.996.995.301
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 Tỉnh Tuyên Quang	21.906.256.263			21.030.585.115	875.671.148		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Đắk Lắk	364.518.204.000	1.140.598.000		68.130.456.000	294.767.125.000		480.025.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 Thành phố Hồ Chí Minh	1.354.031.165.080	915.110.927		867.649.995.905	357.411.158.392		128.054.899.856
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Kon Tum	148.500.092.000	191.608.000		33.063.638.000	75.065.640.000		40.179.206.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Ngãi	147.390.880.507	340.847.828		114.536.522.516	32.223.896.163		289.614.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2017 - 2019 thành phố Đà Nẵng	27.882.271.892	668.113.870		14.779.140.600	3.117.717.213		9.317.300.209
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Trị	54.944.257.927			41.361.340.000	13.582.917.927		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Bình	142.945.189.691			74.829.302.884	68.115.886.807		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Nghệ An	232.867.558.479			94.351.500.393	63.047.635.373		75.468.422.713
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hà Tĩnh	82.155.767.770			58.311.844.000	23.843.923.770		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bắc Ninh	26.599.582.916	273.468.640		24.441.052.247	754.143.333		1.130.918.696

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Hà Nội	595.241.509.485	170.804.963		291.253.847.448	14.398.457.275		289.418.399.799
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Gia Lai	353.563.253.000	911.989.000		185.807.735.000	165.396.000.000		1.447.529.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bắc Giang	86.424.433.444	623.589.000		56.718.665.942	24.231.706.100		4.850.472.402
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Bình Phước	176.732.824.586	997.399.285		14.158.176.651	161.177.248.650		400.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Tiền Giang	134.044.705.061	1.165.899.742		62.389.600.481	20.295.468.836		50.193.736.002
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Long An	114.944.531.007			108.984.713.007			5.959.818.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	328.512.583.056	25.581.649.798		85.566.866.583	168.362.062.000		49.002.004.675
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Đồng Nai	596.378.625.599	5.026.606.308		115.072.753.916	455.487.562.263		20.791.703.112
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bến Tre	32.526.029.510	968.403.400		8.778.481.781	7.246.713.294		15.532.431.035
<b>3. Kiểm toán chuyên đề</b>		<b>134.624.922.883</b>	<b>2.476.772.941</b>	<b>0</b>	<b>117.899.903.136</b>	<b>81.103.000</b>	<b>0</b>	<b>14.167.143.806</b>
-	Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải, rác thải tại Bắc Ninh giai đoạn 2015-2019	1.361.828.441	1.361.828.441					
-	Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý và sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2017 - 2019 của tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long	400.117.257			400.117.257			
-	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng kinh phí "Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020.	279.333.000	198.230.000			81.103.000		
-	Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020" tại 18 tỉnh (Chương trình PforR)	132.583.644.185	916.714.500		117.499.785.879			14.167.143.806
<b>4. Kiểm toán hoạt động</b>		<b>27.096.168.177</b>	<b>20.280.788.976</b>	<b>0</b>	<b>637.564.885</b>	<b>6.177.814.316</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Kiểm toán hoạt động Việc quản lý, sử dụng ngân sách thành phố Cẩm Phả giai đoạn 2017-2019	637.564.885			637.564.885			

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nợ NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	$I=2+3+\dots+7$	2	3	4	5	6	7
-	Kiểm toán hoạt động quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2019	26.458.603.292	20.280.788.976			6.177.814.316		
<b>5. Ngân hàng</b>		<b>98.890.000</b>	<b>98.890.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước	98.890.000	98.890.000					
<b>6. Kiểm toán Quốc phòng - An ninh - Đảng</b>		<b>298.441.842.658</b>	<b>11.606.970.278</b>	<b>0</b>	<b>81.028.701.083</b>	<b>192.119.606.160</b>	<b>3.102.961.174</b>	<b>10.583.603.963</b>
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2020 lĩnh vực Quốc phòng	166.551.054.159	79.656.000		1.880.944.337	153.636.788.859	370.061.000	10.583.603.963
-	Tổng hợp Kết quả kiểm toán năm 2020 lĩnh vực An ninh - Đảng	131.890.788.499	11.527.314.278		79.147.756.746	38.482.817.301	2.732.900.174	